

Số: 1119/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 09 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng Tuyến giao thông kết nối từ đê tả sông Hồng đến cầu Vân Phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 90/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) về việc Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Tuyến giao thông kết nối từ đê tả sông Hồng đến cầu Vân Phúc; Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) về chủ trương đầu tư điều chỉnh dự án Tuyến giao thông kết nối từ đê tả sông Hồng đến cầu Vân Phúc;

Căn cứ Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Phê duyệt Dự án thành phần 1: Bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng Tuyến giao thông kết nối từ đê tả sông Hồng đến cầu Vân Phúc;

Căn cứ Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 14/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về phương án sử dụng nguồn vượt thu ngân sách cấp tỉnh năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 2908/SXD-KCHTXD ngày 27/3/2026 của Sở Xây dựng về việc Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng Tuyến giao thông kết nối từ đê tả sông Hồng đến cầu Vân Phúc;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 194/TTr-SXD ngày 07/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng Tuyến giao thông kết nối từ đê tả sông Hồng đến cầu Vân Phúc, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng Tuyến giao thông kết nối từ đê tả sông Hồng đến cầu Vân Phúc.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Liên Châu, tỉnh Phú Thọ.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Khu vực Vĩnh Phúc.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập, thẩm tra dự án:

- Đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Tổng công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải - CTCP.

- Nhà thầu thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty CP tư vấn xây dựng A2Z.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính: Dự án nhóm B; Công trình giao thông, cấp II.

7. Mục tiêu dự án:

- Nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch được duyệt; tạo thêm một tuyến giao thông kết nối tỉnh Phú Thọ với thủ đô Hà Nội qua sông Hồng, phục vụ nhu cầu lưu thông hàng hóa, sản xuất và nhu cầu đi lại của nhân dân; thúc đẩy kết nối phát triển kinh tế - xã hội giữa tỉnh Phú Thọ với thành phố Hà Nội và các tỉnh trong vùng thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

- Góp phần triển khai hợp tác toàn diện giữa thành phố Hà Nội và tỉnh Phú Thọ.

8. Quy mô, giải pháp thiết kế đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô dự án:

Dự án: Tuyến giao thông kết nối từ đê tả sông Hồng đến cầu Vân Phúc có phạm vi, chiều dài nghiên cứu khoảng 2,12km, trong đó cầu dẫn dài 1755,2m,

đường dẫn dài 365m. Thiết kế với quy mô đường cấp III đồng bằng, vận tốc thiết kế $V_{tk} = 80\text{Km/h}$ (theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005).

+ Điểm đầu dự án: Tại Km7+760, thuộc xã Liên Châu, khớp nối với điểm cuối dự án ĐTXD cầu Vân Phúc qua sông Hồng và tuyến đường kết nối ra QL.32 do UBND thành phố Hà Nội đầu tư.

+ Điểm cuối dự án: Giao với đê tả sông Hồng tại lý trình khoảng Km9+880, thuộc địa phận xã Liên Châu.

- Quy mô mặt cắt ngang:

+ Đoạn cầu dẫn: Quy mô mặt cắt ngang đảm bảo 04 làn xe, bề rộng cầu $B=20,5\text{m}$ (bề rộng mặt đường $B_{m\grave{a}t} = (2 \times 9,5)\text{m}=19,0\text{m}$, bề rộng dải phân cách $B_{dpc} = 0,5\text{m}$, bề rộng lan can $B_{lc} = (2 \times 0,5)\text{m}=1,0\text{m}$). Trong đó cầu dẫn được thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DUL, Tải trọng thiết kế HL93, Tần suất thiết kế cầu P1%.

+ Đoạn trùng đê tả sông Hồng (đoạn từ Km9+560 đến Km9+880): Cải tạo phần mặt đường hiện trạng đảm bảo các yếu tố kỹ thuật và kết nối êm thuận từ cầu dẫn vào đê tả Hồng, cập rộng thân đê đủ quy mô mặt cắt ngang 04 làn xe, bề rộng nền $B_{n\grave{e}n} = 23,5\text{m}$, bề rộng mặt đường $B_{m\grave{a}t} = (2 \times 10,5)\text{m}=21,0\text{m}$, bề rộng dải phân cách $B_{dpc} = 1,5\text{m}$, bề rộng lề đất $B_{l\grave{e}} = (2 \times 0,5)\text{m}=1,0\text{m}$.

8.2. Giải pháp thiết kế:

8.2.1. Bình đồ, hướng tuyến:

- Bình đồ thiết kế với các yếu tố hình học đảm bảo vận tốc thiết kế $V_{tk}=80\text{ Km/h}$.

- Hướng tuyến cơ bản tuân thủ các quy hoạch được duyệt liên quan và đã được UBND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 9285/UBND-CN1 ngày 10/11/2023. Đoạn đi trùng đường đê tả sông Hồng, tìm tuyến được bố trí tận dụng tối đa phần nền mặt đường của đường đê tả sông Hồng mới xây dựng và chỉ tiến hành mở rộng đường về phía sông Hồng.

- Tại vị trí khớp nối với đường đê tả sông Hồng (Km9+600), thiết kế nút giao bằng dạng ngã ba được bố trí các đảo dẫn hướng bằng vạch sơn và bó vỉa di động. Sau đó tuyến đi bám theo hướng tuyến đê tả sông Hồng, đoạn từ Km9+560 - Km9+700 mặt cắt ngang tuyến được mở rộng theo quy hoạch (đảm bảo 04 làn xe cơ giới, 02 làn xe thô sơ) và vượt về mặt đường đê hiện trạng tại khoảng Km9+880.

- Bố trí tường chắn taluy phía bên phải tuyến để hạn chế GPMB khu dân cư thôn Ngọc Đường, xã Liên Châu.

- Để đảm bảo việc đi lại của người dân, bố trí đường gom phía phải tuyến và vượt nối lên đường đê tại khoảng Km9+860 (lý trình dự án).

8.2.2. Trắc dọc:

Trắc dọc tuyến giao thông kết nối từ đê tả sông Hồng đến cầu Vân Phúc khớp nối với Dự án ĐTXD cầu Vân Phúc qua sông Hồng và tuyến đường kết nối ra QL.32 tại Km7+760, sau đó tuyến vượt qua khu vực bãi sông và khớp nối với đường đê tả sông Hồng khoảng Km9+560 (Km22+069 lý trình đê tả Hồng).

- Đoạn cầu dẫn qua bãi sông (Km7+760-Km9+512), cao độ trắc dọc đảm bảo cao độ đáy dầm cao hơn mực nước H1% là 1,0m.

- Đoạn đi trùng đê tả Hồng Km9+600 - Km9+880, cao độ trắc dọc đảm bảo phù hợp với cao độ đường đê hiện trạng.

- Trắc dọc tuyến đảm bảo tuân thủ cốt cao độ khống chế đã thỏa thuận với Sở Xây dựng tại Văn bản số 5063/SXD-QLNĐT&HT ngày 04/12/2023.

8.2.3. Mặt cắt ngang:

- Phạm vi cầu dẫn: Bề rộng toàn cầu: $B_{\text{cầu}} = 20,5\text{m}$. Trong đó:

+ Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = (2 \times 9,5)\text{m} = 19,0\text{m}$;

+ Dải phân cách: $B_{\text{dpc}} = 0,5\text{m}$;

+ Lan can: $B_{\text{lc}} = (2 \times 0,5)\text{m}$;

- Phạm vi tuyến đi trùng với đê tả sông Hồng: Quy mô mặt cắt ngang đê tả Hồng hiện trạng có bề rộng $B_{\text{nền}} = 12\text{m}$, $B_{\text{mặt}} = 10,5\text{m}$, thiết kế cải tạo phần mặt đường hiện trạng và cạp rộng thân đê sang phía bên phải tuyến đảm bảo quy mô mặt cắt ngang như sau:

+ Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 23,5\text{m}$. Trong đó:

▪ Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = (2 \times 10,5) = 21,0\text{m}$;

▪ Dải phân cách: $B_{\text{dpc}} = 1,5\text{m}$;

▪ Lề đất: $B_{\text{lề}} = (2 \times 0,5)\text{m}$;

+ Đường gom (chân đê): $(1,0 + 3,5 + 0,5)\text{m} = 5,0\text{m}$.

8.2.4. Cầu dẫn:

Cầu dẫn vào cầu Vân Phúc sử dụng kết cấu nhịp giản đơn, dầm Super-T, đảm bảo mực nước thiết kế H1% và mực nước phòng lũ đối với hệ thống đê Sông Hồng, tính không đường dân sinh hiện trạng.

- Sơ đồ nhịp dự kiến: $(27 \times 40 + 3 \times 30 + 13 \times 40 + 30 + 29,1)\text{m}$, tổng chiều dài cầu khoảng 1.755,2m.

- Quy mô mặt cắt ngang: Bề rộng $B_{\text{cầu}} = 20,5\text{m}$, được đầu tư với quy mô 4 làn xe cơ giới và 2 làn xe thô sơ, sử dụng 9 dầm super T với khoảng cách dầm 2,25m; phù hợp với quy mô cầu Vân Phúc do TP. Hà Nội đầu tư.

- Kết cấu phần trên: Kết cấu nhịp sử dụng dầm giản đơn Super-T BTCT DUL không cốt khác, chiều dài nhịp gồm các loại nhịp $L=40\text{m}$, 30m , $29,1\text{m}$. Sơ đồ kết cấu nhịp gồm tổng số 45 nhịp: $(27 \times 40 + 3 \times 30 + 13 \times 40 + 30 + 29,1)\text{m}$, trong đó tại các

vị trí nhịp 40m sử dụng dầm Supper-T dài 38,2m, tại các vị trí nhịp 30m, 29,1m sử dụng dầm Supper-T dài 28,2m. Bản mặt cầu bằng BTCT đổ tại chỗ, bố trí các liên dầm gồm 4-5 nhịp để đảm bảo êm thuận cho xe chạy trên cầu. Trong đó, tại các nhịp giữa liên, bố trí bản mặt cầu bằng BTCT kết hợp bản liên tục nhiệt; Lớp phủ mặt cầu bằng thảm BTNC 16 dày 7cm trên lớp phòng nước dạng dung dịch.

- Kết cấu phần dưới:

+ Trụ cầu: Kết cấu thân trụ được thiết kế dạng khung 2 cột, tiết diện ngang thân trụ dạng chữ nhật kích thước $B \times H = (3,0 \times 1,5)$ m, tạo vát $(0,3 \times 0,3)$ m để tăng tính thẩm mỹ. Kết cấu xà mũ bằng BTCT có bề rộng $B = 3,3$ m, chiều cao $H = 2,73$ m tại vị trí trụ liên tục nhiệt và $H = 2,63$ m tại vị trí khe co giãn.

+ Mố cầu: Sử dụng mố chữ U BTCT, phù hợp với chiều cao nền đắp sau mố lớn; Chiều cao mố cầu được lựa chọn trên cơ sở khả năng ổn định của nền đường đầu cầu và cân nhắc đặc điểm địa chất của khu vực.

+ Móng: Móng mố, trụ dự kiến đặt trên hệ cọc khoan nhồi BTCT đường kính 1,2m, chiều dài cọc $L = 40$ m; chiều dài cọc trong hồ sơ thiết kế cơ sở chỉ là dự kiến, do chưa có đủ số liệu khảo sát địa chất tại vị trí mố, trụ cầu. Chi tiết sẽ được tính toán thiết kế và quyết định ở bước thiết kế bản vẽ thi công khi có đầy đủ số liệu khảo sát địa chất.

- Kết cấu phụ trợ khác: Các bộ phận khác của cầu dẫn như góì cầu, khe co giãn, lan can, thoát nước, lớp phủ mặt cầu, thiết kế đảm bảo tính đồng bộ với cầu dẫn bên phía thành phố Hà Nội.

8.2.5. Đường dẫn đầu cầu:

Đường dẫn đầu cầu chiều dài 365m, trong đó đoạn nối từ cầu dẫn với đê tả Hồng dài khoảng 65m, thiết kế cùng quy mô mặt cắt cầu dẫn $B_{nền} = 20,5$ m, vượt vào đoạn tuyến đi trùng đê tả sông Hồng khoảng 300m có bề rộng nền đường $B_{nền} = 23,5$ m.

a. Nền đường:

- Taluy nền đường đắp: độ dốc mái taluy phía đắp mở rộng đường đê (phía ngoài sông) là 1/2.0, phía trong đê được giữ nguyên hiện trạng (1/1.15 - 1/1.20);

- Các đoạn có chiều cao đắp $> 8,0$ m, nền đường được giạt cấp, chiều cao giạt cấp $H = 6,0$ m, bề rộng cấp 2,0m, dốc 10% ra phía ngoài.

- Yêu cầu về độ chặt và khả năng chịu tải của đất nền:

+ Lớp nền thượng: Trong phạm vi 30cm kể từ đáy kết cấu áo đường, nền đường được lu lèn đảm bảo độ chặt K98, sức chịu tải $CBR \geq 6$.

+ Nền đường đắp: Toàn bộ phần nền đắp dưới lớp nền thượng được lu lèn đảm bảo độ chặt K95, sức chịu tải $CBR \geq 4$.

+ Đối với đường gom: Trong phạm vi 30cm kể từ đáy kết cấu áo đường, nền

đường gom được lu lèn đảm bảo độ chặt K95, đảm bảo sức chịu tải CBR ≥ 5 , dưới chiều sâu nói trên đảm bảo độ chặt không nhỏ hơn K90.

- Trước khi đắp nền đường tiến hành vét bùn, đất không thích hợp chiều dày trung bình 0,5m đối với phạm vi thông thường.

- Khi đắp trên mái dốc có độ dốc $\geq 20\%$, tiến hành đào bậc cấp (chiều rộng bậc cấp tối thiểu 2,0m) trước khi đắp nền.

- Mái ta luy nền đắp đường đê tả sông Hồng được gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn trên lớp đá đệm dày 10cm, kết hợp hệ thống tường chắn bê tông cốt thép dạng chữ L giữ ổn định mái đê.

- Xử lý nền đất yếu trên nền đường đắp đoạn tuyến từ Km9+513 – Km9+600: Thiết kế xử lý nền đường đắp trên nền đất yếu bằng cọc xi măng đất đường kính trụ 0,8m, bố trí mạng hình vuông kết hợp với vải địa kỹ thuật gia cường.

b. Kết cấu áo đường:

- Đoạn từ mô cầu dẫn đến Km9+600: Căn cứ kết quả dự báo lưu lượng giao thông năm tương lai phục thiết kế kết cấu áo đường (năm 2040) và để đảm bảo đồng nhất kết cấu với đoạn đường đầu cầu thuộc dự án: Đầu tư xây dựng cầu Vân Phúc qua sông Hồng và tuyến đường kết nối ra QL.32, huyện Phúc Thọ do TP Hà Nội đầu tư. Thiết kế kết cấu áo đường đoạn đường đầu cầu đảm bảo Eyc > 175 Mpa, cụ thể như sau:

- + Bê tông nhựa chặt 16, dày 5 cm;
- + Tưới dính bám tiêu chuẩn 0,5 kg/m²;
- + Bê tông nhựa chặt 19, dày 7 cm;
- + Tưới thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²;
- + Cấp phối đá dăm loại I, dày 36 cm;
- + Cấp phối đá dăm loại II, dày 36 cm;
- + Lớp nền thượng độ chặt K98, dày 30 cm.

- Đoạn từ Km9+600 đến cuối tuyến (đoạn vượt nối đi trùng với đê tả sông Hồng): Để thuận lợi cho việc mở rộng và khớp nối mặt đường, kết cấu mặt đường được áp dụng đồng nhất với kết cấu mặt đường Dự án cải tạo, nâng cấp đê tả sông Hồng do UBND huyện Yên Lạc (cũ) đầu tư. Cụ thể như sau:

- + Bê tông nhựa chặt 16, dày 7 cm;
- + Tưới thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²;
- + Cấp phối đá dăm loại I, dày 18 cm;
- + Cấp phối đá dăm loại II, dày 36 cm;
- + Lớp nền thượng độ chặt K98, dày 30 cm.

- Đối với đường gom: Hệ thống đường gom dân sinh nằm ngoài khu vực bãi

sông, để đảm bảo sự ổn định lâu dài, tiết kiệm chi phí duy tu bảo dưỡng và phù hợp với kết cấu mặt đường dân sinh hiện trạng, kết cấu mặt đường gom được sử dụng kết cấu mặt đường BTXM. Kết cấu mặt đường cụ thể như sau:

- + BTXM M300, dày 18cm;
- + Giấy dầu ngăn cách, 2 lớp;
- + Cấp phối đá dăm loại I, dày 20cm;
- + Lớp nền thượng dày 30cm.

8.2.6. Thoát nước: Bố trí hệ thống rãnh dọc (0,6x0,8)m thu nước trực tiếp dọc đường gom đảm bảo thoát nước mặt đường phạm vi tuyến.

8.2.7. Điện chiếu sáng:

- Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng dọc hai bên tuyến đường, sử dụng loại cột thép đơn cần rời mạ kẽm cao 8m, cần vươn 1,5m, Chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện công suất Led 120W. Khoảng cách trung bình giữa các cột khoảng 35m.

- Tại vị trí thiết kế nút giao ngã 3 (kết nối với đê tả Hồng) bố trí 1 cột đèn giàn cao 15m, phía trên cột lắp 8 bóng pha led công suất 200W đảm bảo ánh sáng cho nút giao.

- Nguồn cấp điện: Xây dựng đường dây 22kv chiều dài khoảng 40m và 01 trạm biến áp treo công suất dự kiến 50KVA-22/0.4kV cung cấp điện cho hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến.

8.2.8. Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế hệ thống báo hiệu đường bộ (biển báo, vạch sơn, gờ giảm tốc...) tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT và các quy định hiện hành.

(Chi tiết tại bản vẽ thiết kế cơ sở thẩm định kèm theo)

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Số bước thiết kế: Thiết kế hai bước bao gồm thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

9.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 4419:1987 - Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;
- TCCS 31:2020/TCĐBVN - Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCVN 9398:2012 - Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;
- TCVN 13346:2021 - Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô – Yêu cầu khảo sát và thiết kế;
- TCCS 41:2022/TCĐBVN - Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu;

- TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế
- TCXDVN 13592-2022 - Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 37:2022/TCĐBVN - Tiêu chuẩn cơ sở Áo đường mềm - Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN - Tiêu chuẩn cơ sở Áo đường mềm - Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCCS 39:2022/TCĐBVN - Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông;
- TCVN 11823:2017 - Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ;
- TCVN 11815:2017 - Thiết kế công trình phụ trợ trong thi công cầu;
- TCVN 5574:2018 - Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 9512:2012 - Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi;
- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật;
- TCVN13567:2022 - Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 14270:2024 - Nhũ tương nhựa đường a xít thấm bảm (EAP) – Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8859:2023 - Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8858:2023 - Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu’;
- QCVN 41:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCCS 34:2020/TCĐBVN - Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 8791:2018 - Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang dẻo nhiệt – Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- Tiêu chuẩn TCVN 7887:2018 - Màn phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ;
- TCVN 13573:2022 - Ống và công thoát nước - Thi công, thử nghiệm và các tài liệu viện dẫn;
- Thoát nước - mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế TCXD 7957:2023;
- TCVN 13579-1:2022 - Phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga cho khu vực

đi bộ và phương tiện giao thông lưu thông và các tài liệu viện dẫn;

- Quyết định số 3095/QĐ-BGTVT ngày 07/10/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về việc Ban hành quy định tạm thời về các giải pháp kỹ thuật công nghệ đối với đoạn chuyển tiếp giữa đường và cầu (cống) trên đường ô tô;

- Quy phạm trang bị điện 11- TCN -18,19 - 2006 do Bộ công nghiệp ban hành;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13608:2023 - Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế;

- QCVN 07- 7:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình chiếu sáng;

- QCVN 01:2020/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện;

- Quyết định 247/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về Ban hành thiết kế mẫu hệ đường đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (này là tỉnh Phú Thọ);

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 984.847.577.000 đồng.

(Bằng chữ: Chín trăm tám mươi tư tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng chẵn.). Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	803.707.240.113 đồng;
- Chi phí thiết bị:	327.197.540 đồng;
- Chi phí QLDA:	8.900.564.000 đồng;
- Chi phí TVĐT:	39.243.971.120 đồng;
- Chi phí khác:	11.873.998.722 đồng;
- Chi phí dự phòng:	120.794.605.415 đồng.

11. Tiến độ triển khai dự án: Từ năm 2025-2027.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn: Vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 là 4.300 triệu đồng; Vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2026-2030 là 999.145 triệu đồng.

13. Hình thức quản lý dự án được áp dụng: Ban QLDA khu vực Vĩnh Phúc (Chủ đầu tư) sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án theo quy định, chỉ triển khai theo nguồn vốn được bố trí, đảm bảo không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Trong quá

trình triển khai thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, nghiên cứu và thực hiện các nội dung kiến nghị của cơ quan thẩm định báo cáo thẩm Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng dự án, địa phương để nhận bàn giao mặt bằng thi công dự án đúng thời gian, tiến độ, chất lượng, không gây thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước, phát huy hiệu quả đầu tư dự án được phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm về nội dung trình đảm bảo đầy đủ các điều kiện để triển khai đầu tư dự án hoàn thành đúng tiến độ phê duyệt, phát huy tối đa hiệu quả đầu tư dự án.

2. Các Sở, ngành, địa phương (Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Trung tâm PTQĐ khu vực Vĩnh Phúc, UBND xã Liên Châu) phối hợp, hướng dẫn chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

3. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định, trình phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở ngành, đơn vị: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Kho bạc Nhà nước khu vực VIII, Ban Quản lý dự án khu vực Vĩnh Phúc, Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực Vĩnh Phúc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Liên Châu và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Quách Tất Liêm